

Số: **13** /BC-UBND

Trà Cú, ngày **15** tháng 01 năm 2020

BÁO CÁO

Kết quả thực hiện Luật Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí năm 2019

Thực hiện Công văn số 3167/STC-TTr ngày 18/12/2019 của Giám đốc Sở Tài chính về việc báo cáo thực hiện Luật Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí năm 2019;

Thực hiện Luật Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, UBND huyện đã xác định và đưa việc phòng, chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trở thành nhiệm vụ thường xuyên và là trách nhiệm xuyên suốt của các ban, ngành huyện và các xã - thị trấn trong quá trình thực hiện các nhiệm vụ kinh tế - xã hội. Thực hiện Luật thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, đã tạo chuyển biến tích cực trong công tác quản lý, điều hành ngân sách, quản lý sử dụng tài sản công một cách có hiệu quả và đã tập trung thực hiện các nội dung sau:

I. VỀ CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH, TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Việc quán triệt, tuyên truyền, phổ biến chủ trương, chính sách pháp luật về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí (sau đây viết tắt là THPTK, CLP):

Tập trung lãnh đạo, chỉ đạo cấp ủy, chính quyền, đoàn thể và các đơn vị, địa phương tăng cường công tác triển khai, quán triệt các văn bản của Trung ương, Tỉnh ủy, UBND tỉnh và của Huyện ủy, UBND huyện về công tác phòng, chống tham nhũng, lãng phí, trọng tâm là triển khai, quán triệt có hiệu quả công tác THPTK, CLP năm 2019 trên địa bàn huyện và tuyên truyền, phổ biến, quán triệt thực hiện nghiêm túc Luật Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí số 44/2013/QH13 ngày 26/11/2013; Nghị định số 84/2014/NĐ-CP ngày 08/9/2014 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí;

Về hình thức tuyên truyền: Thông qua các hình thức phong phú, đa dạng như: Tổ chức hội nghị triển khai, quán triệt, thông qua các kỳ sinh hoạt lệ chi bộ, các cuộc tập huấn, hướng dẫn, ... tổng số 396 cuộc, có 9.504 lượt người dự (đảng viên Đảng bộ dự đạt 98,4%). Chỉ đạo Đài Truyền thanh huyện thực hiện tuyên truyền, phổ biến về công tác THPTK, CLP trên phương tiện thông tin đại chúng để toàn thể cán bộ, công chức, người lao động và nhân dân biết, có ý thức thực hiện; các cơ quan, đơn vị đã phối hợp với tổ chức Đảng và đoàn thể tổ chức tuyên truyền

các văn bản pháp luật về THPT, CLP đến toàn thể cán bộ, công chức, người lao động trong cơ quan, đơn vị biết, để tiếp cận văn bản, góp phần nâng cao nhận thức, tạo sự đồng thuận trong tổ chức thực hiện.

2. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo xây dựng và tổ chức thực hiện chương trình, kế hoạch về THPT, CLP:

Trên cơ sở Luật thực hành tiết kiệm, chống lãng phí và các văn bản hướng dẫn thi hành của Trung ương, tỉnh và huyện, từng cơ quan, đơn vị đã ban hành các văn bản như: Quyết định ban hành quy chế dân chủ, quy chế chi tiêu nội bộ, quản lý và sử dụng tài sản công, kê khai tài sản..., từ đó góp phần đưa công tác phòng, chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí đạt kết quả cao.

Việc công khai, minh bạch trong quản lý, sử dụng ngân sách Nhà nước, công quỹ, tài sản công, quy hoạch, kế hoạch đầu tư phát triển:

Hàng năm, UBND huyện công khai việc giao dự toán thu, chi NSNN cho các đơn vị ban ngành huyện, các xã và thị trấn. Các đơn vị sử dụng ngân sách thực hiện việc công khai minh bạch trong hoạt động mua sắm tài sản công, xây dựng cơ bản, quản lý sử dụng các loại quỹ đóng góp của nhân dân, các khoản hỗ trợ, quản lý đất đai, tài sản công, thực hiện kê khai và công khai tài sản. Thực hiện công khai bằng nhiều hình thức như: Thông qua hội nghị cán bộ, công chức đầu năm hoặc thông báo công khai tài chính tại bảng thông báo của cơ quan mình.

Đầu năm, UBND huyện đã chỉ đạo các cơ quan, đơn vị trực thuộc xây dựng Kế hoạch triển khai thực hiện Luật Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, quán triệt cho cán bộ, công chức, viên chức về Luật Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí năm 2013 theo hướng sâu rộng và tổ chức thực hiện bằng nhiều việc làm cụ thể và coi đây là một trong những nhiệm vụ trọng tâm và thường xuyên của địa phương, kịp thời phát hiện và xử lý các trường hợp vi phạm; giao Phòng Tài chính - Kế hoạch có trách nhiệm hướng dẫn, theo dõi và báo cáo UBND huyện kết quả thực hiện của các Phòng, ban, ngành huyện và các xã, thị trấn; các nội dung tiết kiệm trong quản lý, sử dụng ngân sách, trọng tâm là tiết kiệm giảm tối đa các loại chi phí như: điện sinh hoạt, điện thoại, văn phòng phẩm, xăng dầu, khánh tiết, hội nghị, công tác phí, sử dụng đất, chi phí đầu tư xây dựng,...

Chỉ đạo hướng dẫn các đơn vị cũng như cán bộ, công chức, viên chức thuộc phạm vi quản lý quán triệt và thực hiện đầy đủ, có hiệu quả các nhiệm vụ, nội dung về THPT, CLP đã được đề ra.

3) Trong quản lý, sử dụng trụ sở làm việc:

Nhìn chung, các đơn vị quản lý, sử dụng tốt trụ sở được giao. Thường xuyên duy tu, sửa chữa, cải tạo phù hợp với điều kiện công tác tại đơn vị, đảm bảo sử dụng đúng mục đích và lâu dài.

- Nhà thuộc trụ sở làm việc hiện có đến nay: 385 căn, tổng diện tích xây

dụng: 82.266 m², với nguyên giá 284 tỷ 508 triệu đồng.

- Diện tích khuôn viên đất thuộc trụ sở làm việc: 495.371m², với nguyên giá: 64 tỷ 597 triệu đồng.

- Phương tiện đi lại (ô tô): hiện có 3 chiếc, với tổng nguyên giá: 1.785 triệu đồng.

4) Về quản lý, khai thác và sử dụng đất đai, tài nguyên thiên nhiên:

Về quản lý, khai thác và sử dụng đất đai: Các đơn vị, địa phương thực hiện nghiêm Chỉ thị số 1474/CT-TTg, ngày 24/8/2011 của Thủ tướng Chính phủ về việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn với đất lần đầu cho hộ gia đình và cá nhân.

Về quản lý, khai thác và sử dụng tài nguyên thiên nhiên: Huyện ủy, UBND huyện đã giao cho các ngành chức năng tổ chức và thực hiện nhiều giải pháp phòng ngừa ô nhiễm trên các tuyến sông, rạch; xử lý chất thải hộ dân nuôi cá lóc, nhà máy đường... đã đạt được những kết quả đáng kể. Tuy nhiên, tình hình vi phạm Luật bảo vệ môi trường còn xảy ra khá phổ biến tại một số doanh nghiệp.

Về quản lý, sử dụng đất công: Qua kiểm kê quỹ đất đang quản lý, sử dụng, của các tổ chức được Nhà nước giao đất, cho thuê đất trên địa bàn huyện Trà Cú với tổng diện tích 1.126.536,2 m² cụ thể như sau:

- Cơ quan Nhà nước trên toàn huyện là: 14 tổ chức với tổng diện tích đang quản lý, sử dụng là 56.849,9 m²

- Tổ chức chính trị trên toàn huyện là 01 tổ chức với tổng diện tích đang quản lý, sử dụng là 7.764,4 m².

- Tổ chức sự nghiệp công trên địa bàn toàn huyện là 75 tổ chức với tổng diện tích đang quản lý, sử dụng là 505.620,6 m² (trong đó diện tích sử dụng đúng mục đích là 494.212,8 m²; diện tích bị lấn chiếm là 7.751,8 m²; diện tích tranh chấp là 3.656 m²).

- Cơ quan UBND cấp xã, thị trấn trên toàn huyện là 17 tổ chức với tổng diện tích đang sử dụng 556.301,3 m² (trong đó diện tích bị lấn chiếm là 27.369m²).

Nhìn chung, các tổ chức đang quản lý, sử dụng đất được Nhà nước giao đất thiếu sự quan tâm về ranh giới và mốc giới phần diện tích mà mình đang quản lý, sử dụng, nên dẫn đến tình trạng đất công bị lấn chiếm qua nhiều năm chưa giải quyết được. Phần đất công mà một số hộ gia đình, các nhân lấn chiếm chủ yếu sử dụng vào mục đích để ở.

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN LUẬT THỰC HÀNH TIẾT KIỆM, CHỐNG LẤN PHÍ

1. Thực hành tiết kiệm trong quản lý, sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước:

UBND huyện đã trình HĐND huyện phân bổ và giao dự toán NSNN đúng quy định của Luật NSNN, tiếp tục thực hiện chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về biên chế, kinh phí quản lý hành chính gắn liền với nhiệm vụ được giao; nghiên cứu ban hành các chế độ, tiêu chuẩn, định mức sử dụng NSNN, phương tiện đi lại; chỉ đạo các cơ quan, địa phương tổ chức lễ, hội, kỷ niệm ngày thành lập thiết thực, có ý nghĩa và tiết kiệm.

Các đơn vị, địa phương thực hiện quản lý và sử dụng ngân sách công khai, minh bạch, chấp hành nghiêm các quy định của Nhà nước, một số đơn vị tiết kiệm được các khoản chi để bổ sung thu nhập cho cán bộ, công chức trong đơn vị. Hạn chế tối đa việc giải quyết kinh phí phát sinh tăng thêm so với dự toán được duyệt, cụ thể:

Chỉ đạo các cơ quan, đơn vị xây dựng Quy chế chi tiêu nội bộ, Quy chế sử dụng tài sản công; từ đó tạo quyền chủ động, tự chịu trách nhiệm trong việc quản lý chi tiêu tài chính tại đơn vị; đồng thời, thực hiện tốt các quy định về công khai tài chính đối với các cấp ngân sách, từ khâu phân bổ dự toán đến khâu quyết toán; việc quản lý, sử dụng kinh phí hoạt động của các cơ quan, đơn vị đã gắn kết hơn với các biện pháp THTK, CLP và các quy định của Luật Ngân sách nhà nước.

Tiếp tục triển khai thực hiện tốt cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm theo Nghị định số 117/2013/NĐ-CP ngày 07/10/2013 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 130/2005/NĐ-CP ngày 17/10/2015 của Chính phủ quy định chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính đối với các cơ quan nhà nước và Nghị định số 16/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập. Kinh phí tiết kiệm được từ các khoản chi hành chính được sử dụng cho mục đích chi phúc lợi, chi tăng thu nhập cho cán bộ, công chức nhằm động viên tinh thần của cán bộ, công chức, nâng cao hiệu quả, chất lượng công việc, góp phần nâng cao đời sống cho cán bộ, công chức. Thực hiện Quyết định số 2416/QĐ-UBND ngày 10/12/2018 của UBND tỉnh về việc giao chỉ tiêu kế hoạch kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách năm 2019, trong đó giao chỉ tiêu tiết kiệm 10% dự toán chi thường xuyên ngay từ đầu năm với số tiền 7.293 triệu đồng.

2. Tiết kiệm trong đầu tư xây dựng các dự án sử dụng ngân sách nhà nước, tiền, tài sản nhà nước:

UBND huyện tập trung chỉ đạo triển khai thực hiện các dự án đầu tư xây dựng cơ bản theo đúng trình tự, thủ tục quy định: Từ khâu chuẩn bị đầu tư, lập dự án, thiết kế, phê duyệt đấu thầu và tổ chức thi công; việc lập, phê duyệt dự toán công trình đã căn cứ vào định mức, đơn giá, tiêu chuẩn xây dựng do cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành và phù hợp với thiết kế xây dựng công trình đã được phê duyệt; việc điều chỉnh dự toán các công trình căn cứ vào thực tế để thực hiện, đã làm rõ nguyên nhân chủ quan, khách quan, trách nhiệm liên quan đến việc phải điều chỉnh và tuân thủ quy trình, thủ tục, thẩm quyền theo quy định của pháp luật

về đầu tư xây dựng. Ban quản lý các dự án đầu tư xây dựng thực hiện thông báo công khai mời thầu trên các phương tiện thông tin đại chúng và tổ chức đấu thầu theo đúng quy định của pháp luật, tổ chức tư vấn giám sát, tư vấn lựa chọn nhà thầu có đủ điều kiện, năng lực thực hiện gói thầu, dự án đầu tư, có phương án tiết kiệm, chống lãng phí; tổ chức tư vấn giám sát thi công công trình có trách nhiệm, thực hiện đầy đủ nghĩa vụ đã cam kết với chủ đầu tư; phát hiện và ngăn chặn kịp thời hành vi tiêu cực, gây lãng phí trong quá trình thi công.

Thực hiện phân bổ kế hoạch vốn đầu tư công phù hợp với danh mục dự án được duyệt, về tính chất, quy mô, ưu tiên bố trí đủ vốn để thanh toán công trình, kể cả công trình chuyển tiếp không để xảy ra nợ đọng trong lĩnh vực đầu tư. Đồng thời, thực hiện rà soát các dự án đầu tư hiệu quả thấp, chưa thật sự bức xúc thì cắt, giảm hoặc giãn tiến độ, điều chuyển kế hoạch vốn cho các dự án hoàn thành hoặc dự án có điều kiện hoàn thành sớm để phát huy được hiệu quả; vì vậy, đã hạn chế được nhiều công trình, dự án xây dựng dở dang, tránh lãng phí nguồn vốn đầu tư từ ngân sách nhà nước. Tăng cường công tác quản lý chất lượng công trình theo quy định, trong đó nâng cao vai trò trách nhiệm từ các Ban giám sát cộng đồng ở địa phương.

Trong năm 2019, tổ chức đấu thầu 21 công trình giá gói thầu được phê duyệt 68.613 triệu đồng, giá trúng thầu 66.554 triệu đồng, tiết kiệm được 2.058 triệu đồng. Chỉ định thầu 75 công trình số tiết kiệm trong chỉ định thầu 520 triệu đồng. Tổng số tiết kiệm trong đầu tư 2.578 triệu đồng.

3. Kết quả thanh tra, kiểm tra và xử lý vi phạm qua công tác thanh tra, kiểm tra:

Trong năm 2019, triển 01 cuộc thanh tra trách nhiệm việc thực hiện các quy định của pháp luật về phòng, chống tham nhũng tại Trung tâm Văn hóa - Thể thao huyện; 01 cuộc Thanh tra trách nhiệm Chủ tịch UBND 04 xã (Định An, Tập Sơn, Phước Hưng, Tân Hiệp) các các tổ chức cá nhân có liên quan trong việc thực hiện các quy định của Pháp luật về tiếp công dân, khiếu nại, tố cáo.

Kết quả qua thanh tra: Kiểm điểm rút kinh nghiệm về mặt Đảng và Nhà nước 02 cá nhân; nhắc nhở rút kinh nghiệm đối với 01 cá nhân; thu hồi số tiền sai phạm 2.013.000 đồng.

Công tác kiểm tra việc quản lý vi phạm trong hoạt động khai thác khoáng sản trên địa bàn huyện đã ban hành 4 Quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực khoáng sản (đất sét, cát sông) với số tiền là 125.000.000 đồng và tịch thu 01 máy nổ và 01 hộp bánh răng truyền lực.

III. NHẬN XÉT KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC, NHỮNG HẠN CHẾ CÒN TỒN TẠI VÀ NGUYÊN NHÂN

1. Đánh giá tình hình thực hiện thực hành tiết kiệm, chống lãng phí:

Công tác tuyên truyền, vận động thực hành tiết kiệm, chống lãng phí được cấp ủy Đảng và chính quyền các cấp quan tâm chỉ đạo và tổ chức thực hiện. Cuộc vận động “Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh” về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí đã đi vào chiều sâu, làm chuyển biến mạnh mẽ trong nhận thức và hành động của đa số cán bộ, đảng viên và quần chúng về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí. Một số đơn vị, địa phương làm tốt công tác thực hành tiết kiệm, chống lãng phí và đã thu được những kết quả nhất định. Việc quản lý, sử dụng NSNN từng bước đi vào nề nếp, nên đã tiết kiệm được những khoản chi không cần thiết để bổ sung kinh phí cho hoạt động chuyên môn và tăng thu nhập cho cán bộ, công chức.

Trà Cú là một huyện chuyên sản xuất nông nghiệp và một phần từ nguồn lợi thủy sản có nguồn thu không lớn, chủ yếu hưởng trợ cấp từ ngân sách tỉnh, định mức chi thường xuyên phục vụ hoạt động của các cơ quan, đơn vị trên địa bàn huyện thấp. Thực hiện Nghị quyết số 10/2016/NQ-HĐND ngày 08/12/2016 và Nghị Quyết số 62/2018/NQ-HĐND ngày 11/7/2018 sửa đổi bổ sung một số điểm của Điều 1 Nghị Quyết số 10/2016/NQ-HĐND ngày 08/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định về định mức chi thường xuyên trong thời kỳ ổn định giai đoạn 2017-2020 (thực hiện theo Luật Ngân sách năm 2015, thời kỳ ổn định ngân sách). Ngân sách bố trí hoạt động (chưa trừ tiết kiệm 10%) định mức từ 21-23 triệu đồng/người/năm.

Tình hình thực hiện THPTK, CLP trong thời gian qua tại các phòng, ban, ngành huyện và các xã, thị trấn có những chuyển biến tích cực. Trên cơ sở tổ chức phối hợp chặt chẽ giữa các cấp, các ngành và cán bộ, công chức trong từng đơn vị, nhất là Quy chế chi tiêu nội bộ đã thể hiện cụ thể các quy định về tiêu chuẩn, định mức và chế độ trách nhiệm từng cá nhân trong đơn vị.

Thực hiện tốt các quy định về công khai tài chính trong nội bộ đơn vị, làm cơ sở tự thực hiện kiểm tra, đánh giá cuối năm. Công tác kiểm tra, thanh tra được thực hiện thường xuyên đã góp phần quản lý chặt chẽ hơn việc chi tiêu ngân sách nhà nước, ngăn chặn, phòng ngừa các hành vi vi phạm và lãng phí.

2. Những hạn chế, nguyên nhân trong công tác thực hiện THPTK, CLP:

Công tác triển khai, quán triệt chủ trương tiết kiệm, chống lãng phí của Đảng và Nhà nước được tuyên truyền sâu rộng đến toàn thể cán bộ, công chức, viên chức và trong nhân dân. Triển khai thực hiện nghiêm túc các văn bản chỉ đạo và chương trình kế hoạch đã xây dựng hằng năm. Tuy nhiên, việc triển khai công tác THPTK, CLP đạt kết quả chưa cao là do chưa thành lập được Ban Chỉ đạo THPTK, CLP cấp huyện (công tác này chủ yếu giao cho Phòng Tài chính - Kế hoạch tham mưu tổng hợp báo cáo), do vậy việc tổ chức thực hiện kiểm tra, báo cáo chưa có nề nếp, chất lượng báo cáo chưa đạt hiệu quả theo yêu cầu, nội dung chưa đánh giá đầy đủ các tiêu chí; việc THPTK, CLP góp phần thiết thực nâng cao đời sống cho cán bộ, công chức, viên chức, nhưng nhiều lúc chưa được người đứng đầu đơn vị

quan tâm đúng mức.

Một số đơn vị chưa xây dựng Chương trình THPTK, CLP theo quy định; công tác báo cáo chưa đảm bảo yêu cầu về nội dung và thời gian nên việc đánh giá tình hình và kết quả công tác THPTK, CLP chưa sâu, chậm trễ và ảnh hưởng đến công tác tổng hợp.

IV. PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ THỰC HIỆN LUẬT THỰC HÀNH TIẾT KIỆM, CHỐNG LÃNG PHÍ NĂM 2020

Tiếp tục thực hiện tốt các Nghị quyết, chỉ đạo của Trung ương, Chính phủ về các giải pháp cụ thể liên quan đến công tác THPTK, CLP, tổ chức triển khai, quán triệt thực hiện có hiệu quả Luật thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; tuyên truyền, phổ biến các quy định về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí cho cán bộ, công chức, viên chức bằng các hình thức đa dạng, thiết thực, hiệu quả, nhằm nâng cao hơn nữa ý thức tiết kiệm của từng cá nhân trong việc quản lý, sử dụng ngân sách, tuyên truyền Chỉ thị 21-CT/TW của Ban Bí thư về đẩy mạnh thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; Chỉ thị số 12-CT/TU của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về tăng cường thực hành tiết kiệm, chống; lãng phí trong quản lý, sử dụng ngân sách...

Đẩy mạnh công tác thanh tra, kiểm tra THPTK, CLP trong các lĩnh vực như: Quản lý sử dụng đất đai, tài sản công, chi tiêu ngân sách, đầu tư xây dựng cơ bản... phát hiện và xử lý nghiêm, dứt điểm, công khai các hành vi vi phạm gây lãng phí, đặc biệt là trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, tổ chức theo đúng quy định của pháp luật, không để tồn đọng kéo dài, gây bất bình trong xã hội. Đưa công tác kiểm tra, thanh tra việc thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trở thành công việc thường xuyên của các cơ quan quản lý.

Thực hiện nghiêm các quy định về công khai trong các lĩnh vực như: Quy chế chi tiêu nội bộ về mua sắm, quản lý, trang bị, sử dụng tài sản, đặc biệt là đối với phương tiện đi lại, thiết bị làm việc,... Tăng cường thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở, nâng cao vai trò giám sát của các tổ chức, đoàn thể và quần chúng trong thực hành tiết kiệm, chống lãng phí nhằm phát hiện, phê phán và xử lý kịp thời các trường hợp sai phạm.

Tăng cường công tác thẩm định dự án đầu tư, kiên quyết không cho triển khai các dự án không chứng minh được hiệu quả kinh tế - xã hội; ngưng triển khai các công trình không hiệu quả, cắt giảm những dự án chưa thực sự cần thiết, nâng cao hiệu quả trong công tác lựa chọn nhà thầu; chỉ đạo thực hiện quyết liệt công tác báo cáo quyết toán dự án, công trình hoàn thành đã đưa vào sử dụng nhưng chưa quyết toán. Quy định trách nhiệm và có biện pháp xử lý nghiêm các chủ đầu tư, nhà thầu không tuân thủ quy định về công tác quyết toán vốn đầu tư xây dựng cơ bản; tăng cường công tác thẩm tra quyết toán dự án, công trình hoàn thành nhằm loại bỏ những chi phí không hợp lý, hợp pháp.

Tiến hành rà soát lại quy hoạch, kế hoạch quản lý, khai thác, sử dụng tài nguyên thiên nhiên, đặc biệt là tài nguyên đất, nước, khoáng sản theo yêu cầu thực

hành tiết kiệm, chống lãng phí.

Chỉ đạo các đơn vị trực thuộc xây dựng Chương trình hành động THPTK, CLP năm 2020, phải cụ thể hóa các mục tiêu, chỉ tiêu tiết kiệm và yêu cầu chống lãng phí, xác định rõ nhiệm vụ trọng tâm cũng như các giải pháp cần thực hiện để đạt được mục tiêu, chỉ tiêu tiết kiệm của đơn vị, đảm bảo phù hợp với thực tiễn tại cơ quan, đơn vị mình nhằm tạo chuyển biến mạnh mẽ về THPTK, CLP./.

Nơi nhận:

- Sở Tài chính;
- CT, các PCT UBND huyện;
- Các phòng, ban, ngành huyện;
- UBND các xã, thị trấn;
- LĐVP, NC;
- Lưu: VT

CHỦ TỊCH

Lê Hồng Phúc

**ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN TRÀ CỨ**

Phụ lục số 02 Kèm theo Thông tư số 188/2014/TT-BTC
ngày 10/12/2014 của Bộ Tài chính
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

KẾT QUẢ THỰC HÀNH TIẾT KIỆM, CHỐNG LÃNG PHÍ

Kỳ báo cáo năm 2019

Trà Cừ, ngày 15 tháng 01 năm 2020

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Kết quả của năm trước năm 2018	Kế hoạch của năm báo cáo năm 2019	Kết quả năm báo cáo năm 2019	So sánh với năm trước và kế hoạch		Ghi chú
						So sánh với năm trước	So sánh với kế hoạch	
1	2	3	4	5	6	7=6/4(%)	8=6/5(%)	9
I	Trong việc ban hành, thực hiện định mức, tiêu chuẩn, chế độ							
1	Số văn bản quy định về định mức, tiêu chuẩn, chế độ mới được ban hành	văn bản	2	2	2			
2	Số văn bản quy định về định mức, tiêu chuẩn, chế độ được sửa đổi, bổ sung	văn bản	1		1			
3	Số cuộc kiểm tra việc thực hiện các quy định về định mức, tiêu chuẩn, chế độ	cuộc	1	1	1			
4	Số vụ vi phạm các quy định về định mức, tiêu chuẩn, chế độ đã được phát hiện và xử lý	vụ	1	1	1			
5	Tổng giá trị các vi phạm về định mức, tiêu chuẩn, chế độ được kiến nghị thu hồi và bồi thường (nếu là ngoại tệ, tài sản thì quy đổi thành tiền Việt Nam đồng)	triệu đồng						
II	Trong lập, thẩm định, phê duyệt dự toán, quyết toán, quản lý, sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước (NSNN)							

1	Lập, thẩm định, phê duyệt, phân bổ dự toán NSNN		7.152	7.293	7.311	102%	100%	
1.1	Dự toán lập sai chế độ, sai đối tượng, sai tiêu chuẩn, định mức	triệu đồng						
1.2	Số tiền tiết kiệm dự toán chi thường xuyên theo chi đạo, điều hành của Chính phủ	triệu đồng	7.152	7.293	7.311			
1.3	Số tiền vi phạm đã xử lý, cắt giảm dự toán	triệu đồng						
1.4	Các nội dung khác							
2	Sử dụng và thanh quyết toán NSNN		2.765	3.400	4.050			
2.1	Tiết kiệm chi quản lý hành chính, gồm:		1.550	2.000	2.550.0			
	Tiết kiệm văn phòng phẩm	triệu đồng						
	Tiết kiệm cước phí thông tin liên lạc	triệu đồng						
	Tiết kiệm sử dụng điện	triệu đồng						
	Tiết kiệm xăng, dầu	triệu đồng						
	Tiết kiệm nước sạch	triệu đồng						
	Tiết kiệm công tác phí	triệu đồng						
	Tiết kiệm trong tổ chức hội nghị, hội thảo	triệu đồng						
	Tiết kiệm chi tiếp khách, khánh tiết, lễ hội, kỷ niệm	triệu đồng						
	Tiết kiệm trong mua sắm, sửa chữa tài sản, trang thiết bị làm việc, phương tiện thông tin, liên lạc	triệu đồng						
2.2	Tiết kiệm trong mua sắm, sửa chữa phương tiện đi lại (ô tô, mô tô, xe gắn máy)							
a	Số tiền sửa chữa, mua mới phương tiện đi lại đã chi	triệu đồng						
b	Kinh phí tiết kiệm được, gồm:							
	Thẩm định, phê duyệt dự toán	triệu đồng						
	Thực hiện đầu thầu, chào hàng cạnh tranh...	triệu đồng						
	Thương thảo hợp đồng	triệu đồng						
	Các nội dung khác							
2.3	Tiết kiệm do thực hiện cơ chế khoán chi, giao quyền tự chủ cho cơ quan, tổ chức	triệu đồng	0	0	0	0	0	0

Số tiền tiết kiệm xác định trên cơ sở dự toán được duyệt; mức khoán chi được duyệt

Tiết kiệm so với dự toán, định mức, tiêu chuẩn hoặc mức khoán

IV	Trong đầu tư xây dựng; quản lý, sử dụng trụ sở làm việc, nhà ở công vụ và công trình phúc lợi công cộng		901	2.000	2.578		
1	Trong đầu tư xây dựng		901	2.000	2.578		
1.1	Số lượng dự án chưa cần thiết đã cắt giảm	dự án					
1.2	Số kinh phí tiết kiệm được, gồm:	triệu đồng	901	2.000	2.578		
	- Thẩm định, phê duyệt dự án, tổng dự toán	triệu đồng	0	0	0		
	- Thực hiện đầu thầu, chào hàng cạnh tranh...	triệu đồng	901	2.000	2.578		
	- Thực hiện đầu tư, thi công	triệu đồng					
	- Thẩm tra, phê duyệt quyết toán	triệu đồng					
1.3	Số vốn chậm giải ngân so với kế hoạch	triệu đồng					
1.4	Các dự án thực hiện chậm tiến độ	dự án					
1.5	Các dự án hoàn thành không sử dụng được hoặc có vi phạm pháp luật bị đình chỉ, hủy bỏ	dự án					
	Số lượng	dự án					
	Giá trị đầu tư phải thanh toán	triệu đồng					
2	Trụ sở làm việc		82.266		82.266		
2.1	Tổng diện tích trụ sở hiện có đầu kỳ	m2	82.266		82.266		
2.2	Diện tích trụ sở tăng thêm do xây dựng, mua mới, nhân điều chuyển	m2					
2.3	Diện tích trụ sở giảm do thanh lý, điều chuyển, sắp xếp lại	m2					
2.4	Diện tích trụ sở sử dụng sai mục đích, sai tiêu chuẩn, chế độ	m2					
2.5	Diện tích trụ sở sử dụng sai chế độ đã xử lý	m2					
2.6	Số tiền xử lý vi phạm, thanh lý trụ sở thu được	triệu đồng					
3	Nhà công vụ						
3.1	Tổng diện tích nhà công vụ hiện có đầu kỳ	m2					
3.2	Diện tích nhà công vụ tăng thêm do xây dựng, mua mới, nhân điều chuyển	m2					
3.3	Diện tích nhà công vụ giảm do thanh lý, điều chuyển, sắp xếp lại	m2					

3.4	Diện tích nhà công vụ sử dụng sai mục đích, sai tiêu chuẩn, chế độ	m2							
3.5	Diện tích trụ sở sử dụng sai chế độ đã xử lý	m2							
3.6	Số tiền xử lý vi phạm về quản lý, sử dụng nhà công vụ	triệu đồng							
4	Các nội dung khác								
V	Trong quản lý, khai thác, sử dụng tài nguyên thiên nhiên		0	0	0				
1	Quản lý, sử dụng đất								
1.1	Diện tích đất sử dụng sai mục đích, bỏ hoang hóa, có vi phạm pháp luật	m2							
1.2	Diện tích đất sử dụng sai mục đích, vi phạm pháp luật, bỏ hoang hóa đã xử lý, thu hồi	m2							
1.3	Số tiền xử phạt, xử lý vi phạm thu được	triệu đồng							
1.4	Các nội dung khác								
2	Quản lý, khai thác, sử dụng tài nguyên khác								
2.1	Số lượng vụ việc vi phạm trong quản lý, khai thác, sử dụng tài nguyên	vụ	15		20				
2.2	Số tiền xử phạt, xử lý vi phạm thu được	triệu đồng							
3	Các dự án tái chế, tái sử dụng tài nguyên, sử dụng năng lượng tái tạo được								
3.1	Số lượng dự án mới hoàn thành đưa vào sử dụng	dự án							
3.2	Số tiền dự kiến tiết kiệm được theo dự án được duyệt	triệu đồng							
3.3	Năng lượng, tài nguyên dự kiến tiết kiệm được theo dự án được duyệt								
4	Các nội dung khác								
VI	Trong tổ chức bộ máy, quản lý, sử dụng lao động và thời gian lao động trong khu vực nhà nước								
1	Số lượng vụ việc vi phạm trong quản lý, sử dụng lao động, thời gian lao động	vụ							
2	Số tiền xử lý vi phạm thu được	triệu đồng							
3	Các nội dung khác								

	Số lượng xe đầu kỳ	chiếc	4	4	3				
	Số lượng xe tăng trong kỳ (mua mới)	chiếc							
	Số tiền mua mới xe ô tô trong kỳ	triệu đồng							
	Số lượng xe giảm trong kỳ (thanh lý, chuyển nhượng)	chiếc							
	Số tiền thu hồi do thanh lý, chuyển nhượng	triệu đồng		1	1				
4.2	Trang bị xe ô tô con sai tiêu chuẩn, chế độ	chiếc		100	170				
	Số lượng xe mua sắm, trang bị sai chế độ	chiếc							
5	Số tiền mua xe trang bị sai chế độ	triệu đồng							
	Nợ phải thu khó đòi								
	Số đầu kỳ	triệu đồng							
	Số cuối kỳ	triệu đồng							
6	Vốn chủ sở hữu	triệu đồng							
	Số đầu năm	triệu đồng							
	Số cuối kỳ	triệu đồng							
VIII	Trong hoạt động sản xuất, kinh doanh và tiêu dùng của nhân dân								
1	Hộ gia đình thực hiện nếp sống văn hóa, THPT, CLP	Lượt hộ							
2	Các vụ việc gây lãng phí được phát hiện	Vụ							
IX	Kết quả công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát, kiểm toán về TUITK, CLP								
1	Tổng số cuộc thanh tra, kiểm tra về THPT, CLP đã triển khai thực hiện	cuộc							
2	Tổng số cuộc thanh tra, kiểm tra về THPT, CLP đã hoàn thành	cuộc							
3	Số cơ quan, tổ chức, đơn vị được thanh tra, kiểm tra về THPT, CLP	cơ quan/tổ chức/đơn vị	2	2	1				
4	Số cơ quan, tổ chức, đơn vị có lãng phí, vi phạm về THPT, CLP được phát hiện	cơ quan/tổ chức/đơn vị							
5	Tổng giá trị tiền, tài sản bị lãng phí, sử dụng sai chế độ phát hiện được qua thanh tra, kiểm tra, giám sát	triệu đồng			0.2013				
6	Tổng giá trị tiền, tài sản lãng phí, vi phạm đã xử lý, thu hồi	triệu đồng							